

PHỤ LỤC

BIÊN BẢN KIỂM TRA KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ CỦA TỈNH/THÀNH PHỐ...

*Kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC ... (HOẶC XÓA MÙ CHỮ) CỦA TỈNH/THÀNH PHỐ ...

I. Thành phần, thời gian và nội dung và kết quả kiểm tra

1. Thành phần đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

2. Thời gian kiểm tra (tại tỉnh/thành phố)

3. Nội dung kiểm tra tại tỉnh/thành phố

a) Kiểm tra hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh/thành phố theo mức độ; đối chiếu với kết quả, số liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên hệ thống thông tin quản lý dữ liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

b) Kiểm tra thực tế tại đơn vị cấp huyện, đơn vị cấp xã; trường, lớp, trung tâm; hộ gia đình.

4. Kết quả phổ cập giáo dục xóa mù chữ của tỉnh/thành phố, thời điểm

a) Tiêu chí: Theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP (có biểu bảng số liệu của tỉnh/thành phố kèm theo)

- Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, mức độ, tỷ lệ.

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, mức độ, tỷ lệ.

- Về trẻ em/học sinh/thanh niên, thiếu niên/người trong độ tuổi biết chữ:

(Đối với phổ cập giáo dục mầm non) Số trẻ em 5 tuổi đến lớp, hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; tỷ lệ.

(Đối với phổ cập giáo dục tiểu học) Số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1, 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học; tỷ lệ.

(Đối với phổ cập giáo dục trung học cơ sở) Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở; Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình

giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp; tỷ lệ.

(Đối với xóa mù chữ) Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo mức độ; tỷ lệ.

b) Điều kiện bảo đảm (*có biểu bảng số liệu của tỉnh/thành phố kèm theo*):

- Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (Tổng số giáo viên, số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, tỷ lệ; số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, tỷ lệ; tỷ lệ giáo viên/lớp; cơ cấu giáo viên...).

- Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (Hệ thống trường, lớp; trường đạt chuẩn quốc gia; số phòng học; tỷ lệ phòng học/lớp; số phòng chức năng...).

II. Đánh giá chung của đoàn kiểm tra

1. Tình hình chung về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh/thành phố

- Về công tác chỉ đạo, quản lý, thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Về tiêu chuẩn, Điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Về hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ...

2. Kết luận: Tỉnh/thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo mức độ, thời điểm.

III. Một số kiến nghị đối với Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh/thành phố

- Về công tác chỉ đạo, quản lý, thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Về tiêu chuẩn, Điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Về hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ...

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC
TỈNH/THÀNH PHỐ

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA PCGD,
XMC
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

.....

.....

Nguồn: Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT